

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện To Buông
thuộc huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 156/TTr-SCT ngày 10/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện To Buông thuộc huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

(Có Quy trình vận hành hồ chứa kèm theo tại phụ lục).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình thẩm định, trình phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa thủy To Buông tại Quyết định này; chịu trách

nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu kiểm tra, đôn đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông trong quá trình triển khai thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện To Buông được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Công ty cổ phần thủy điện To Buông - Chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện To Buông:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tuân thủ Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện To Buông được phê duyệt tại Quyết định này.

b) Công bố nội dung Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện To Buông đã được phê duyệt tới các chủ sở hữu đập, hồ chứa trên cùng lưu vực và các tổ chức cá nhân có liên quan; tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn công trình thủy điện, tài nguyên nước.

3. Các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, Ủy ban nhân dân xã Lóng Phiêng và Ủy ban nhân dân xã Tú Nang trong quyết định này sẽ được chuyển sang nhiệm vụ của chính quyền cơ sở cấp xã sau khi tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp và sát nhập đơn vị hành chính cấp xã được triển khai theo tinh thần Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban chấp hành Trung ương khóa XIII tại hội nghị lần thứ 11.

4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi đặt dự án); Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông, Thủ trưởng các ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Biên KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

QUY TRÌNH
Vận hành hồ chứa thủy điện To Buông thuộc huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy trình này quy định về vận hành an toàn hồ chứa thủy điện To Buông (sau đây gọi tắt là Quy trình).

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Công ty cổ phần thủy điện To Buông;
- b) Các tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện To Buông.
- c) Các cơ quan, đơn vị liên quan để báo cáo, chỉ đạo.

Điều 2. Cơ sở pháp lý để xây dựng quy trình

Mọi hoạt động liên quan đến việc quản lý, khai thác và bảo vệ Công trình thủy điện To Buông phải tuân thủ:

- 1. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013.
- 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- 3. Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023.
- 4. Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015
- 5. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- 6. Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.
- 7. Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023.
- 8. Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024.
- 9. Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.
- 10. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa.
- 11. Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

12. Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

13. Nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn.

14. Nghị định 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của luật khí tượng thủy văn.

15. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

16. Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

17. Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước.

18. Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

19. Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước.

20. Thông tư 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

21. Thông tư số 65/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên môi trường quy định kỹ thuật xác định dòng chảy tối thiểu trên sông suối và xây dựng Quy trình vận hành liên hồ chứa.

22. Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

23. Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng

24. Thông tư số 29/2023/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đối với hoạt động của các trạm khí tượng thủy văn tự động.

25. Thông tư số 08/2022/TT-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

26. Quy chuẩn QCVN 04-05:2022/BNNPTNT: Quy chuẩn về kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai.

27. Quy chuẩn QCVN 18:2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự báo, cảnh báo lũ.

28. Các văn bản pháp luật và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan.

Điều 3. Thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình

1. Tên công trình: Công trình thủy điện To Buông
2. Địa điểm xây dựng: Trên Suối To Buông, thuộc địa bàn xã Lóng Phiêng và xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.
3. Cấp công trình:
 - Công trình có cấp thiết kế là cấp III theo TCXD VN 285:2002 tại giai đoạn thiết kế.
 - Theo Quy chuẩn hiện hành công trình có cấp thiết kế là công trình cấp III theo QCVN 04-05/2022/BNNPTNT.
4. Thông số kỹ thuật chính: các thông số kỹ thuật chính của công trình được trình bày tại **Phụ lục 1** kèm theo.

Điều 4. Nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên và nguyên tắc vận hành công trình

Quy trình này áp dụng cho công tác vận hành hồ chứa thủy điện To Buông nhằm đảm bảo các yêu cầu nhiệm vụ công trình theo thứ tự ưu tiên sau:

1. Trong mùa lũ
 - a) Đảm bảo an toàn công trình

Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình đầu mối thủy điện To Buông, chủ động đề phòng mọi bất trắc với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm; không được để mực nước hồ To Buông vượt mực nước lũ kiểm tra ở cao trình 709,98 m.
 - b) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và dòng chảy tối thiểu.
 - c) Đảm bảo hiệu quả phát điện, cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia phục vụ phát triển kinh tế xã hội.
2. Trong mùa kiệt
 - a) Đảm bảo an toàn công trình.
 - b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du và dòng chảy tối thiểu.
 - c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước và phát điện.

Điều 5. Quy định về phân loại lũ và thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt

1. Quy định về phân loại lũ đối với thủy điện được áp dụng cụ thể như sau:
 - a) Lũ nhỏ: là lũ có đỉnh lũ thấp hơn mực nước đỉnh lũ tương ứng với lưu

lượng đỉnh lũ nhỏ hơn $218 \text{ m}^3/\text{s}$.

b) Lũ trung bình: có đỉnh lũ tương ứng với lưu lượng đỉnh lũ lớn hơn $218 \text{ m}^3/\text{s}$ và nhỏ hơn $359 \text{ m}^3/\text{s}$.

c) Lũ lớn: là lũ có đỉnh lũ lớn hơn mực nước đỉnh lũ ứng với tần suất tương ứng với lưu lượng đỉnh lũ lớn hơn $359 \text{ m}^3/\text{s}$

2. Quy định về thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt.

Thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt để áp dụng các quy định vận hành đối với hồ chứa thủy điện To Buông được quy định như sau:

a) Mùa lũ từ ngày 15 tháng 6 đến 31 tháng 10 hàng năm;

b) Mùa kiệt từ ngày 01 tháng 11 đến 14 tháng 6 năm sau;

Điều 6. Trình tự thực hiện đóng mở cửa van cống xả cát

1. Nhiệm vụ: Tràn xả lũ của hồ là dạng tràn tự do, không có cửa van nên không có khả năng giảm lũ, cắt lũ cho vùng hạ du.

Cống xả cát được thiết kế với mục đích chính để xả bùn cát, lưu lượng tối đa xả qua cống xả cát nhỏ, do vậy việc vận hành công trình xả cát trong mọi trường hợp phải đảm bảo tổng lưu lượng qua xả tràn và qua cửa cống xả cát nhỏ hơn lưu lượng về hồ chứa.

2. Nguyên tắc cơ bản: Đảm bảo xả bùn, cát trong hồ khi cần thiết và hạ thấp mực nước hồ trong các trường hợp sửa chữa hoặc có nguy cơ gây sự cố cho các công trình và thiết bị tại đập đầu mối.

3. Phương thức vận hành

a) Vận hành để xả bùn cát khi lưu lượng nước về hồ nhỏ và mực nước hồ nhỏ hơn mực nước dâng bình thường $704,5 \text{ m}$:

Vận hành trong trường hợp muốn hạ thấp mực nước hồ để sửa chữa, nạo vét hồ hoặc xả đáy hồ để giảm lượng bùn lắng tích tụ trong lòng hồ. Trong thời gian xả bùn cát cho phép tổng lưu lượng xả qua nhà máy và cống xả cát lớn hơn hoặc bằng lưu lượng đến hồ.

b) Vận hành công trình để xả bùn, cát trong trường hợp bùn, cát về hồ nhiều do lũ tại vùng thượng lưu cuốn theo đất đá về lòng hồ, có khả năng gây bồi lấp lòng hồ:

- Trong trường hợp này lượng nước về hồ lớn, nước tràn qua đập tràn, nên việc vận hành cống xả cát không ảnh hưởng tới an toàn và các hoạt động dân sinh sau vùng hạ lưu đập.

- Trong thời gian xả bùn cát tổng lưu lượng xả tràn qua đập và cống xả cát nhỏ hơn hoặc bằng lưu lượng nước về hồ.

- Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông quy định và chịu trách nhiệm đối với phương thức vận hành cửa van cống xả cát ở mục này để đảm bảo an toàn cho thiết bị trong quá trình vận hành.

4. Trước khi vận hành mở cửa van cống xả cát để xả bùn cát theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải gửi thông báo trước 03 ngày đến Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, Ủy ban nhân dân xã Tú Nang bằng các hình thức Email hoặc điện thoại và văn bản.

5. Trước khi vận hành mở cửa van cống xả cát để xả bùn cát theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải thông báo trước 12 giờ tới Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, Ủy ban nhân dân xã Tú Nang bằng hình thức Email hoặc điện thoại và văn bản.

Điều 7. Quan trắc, cung cấp thông tin quan trắc khí tượng thủy văn

Việc quan trắc, thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng, thủy văn, thông tin về công trình, chế độ dự báo và chế độ thông tin, báo cáo đối với công trình thủy điện To Buông được quy định như sau:

1. Nội dung quan trắc: Công trình thủy điện To Buông thuộc công trình thủy điện vừa có tràn tự do. Việc quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng được thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP bao gồm: Quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng xả.

2. Chế độ quan trắc được quy định theo điểm b Khoản 4 Điều 40 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP cụ thể như sau: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ trong mùa kiệt; 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ trong mùa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ngưỡng tràn; 01 giờ một lần khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn; 01 giờ 4 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

3. Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn:

Đập thủy điện To Buông là công trình thủy điện vừa có tràn tự do nên Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn như sau:

a) Theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 40 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa, cụ thể như sau: Cung cấp toàn bộ thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn cho Sở Công Thương, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La.

b) Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 sửa đổi bổ sung điểm b, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn như sau: Trong thời gian không quá 30 phút kể từ thời điểm kết thúc quan trắc, cung cấp toàn bộ thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn về Cục Khí tượng Thủy văn thuộc Bộ Nông Nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La.

Điều 8. Phối hợp vận hành giữa chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa thủy điện với chủ sở hữu, tổ chức cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực sông và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan trong công tác vận hành đập, hồ chứa thủy điện

1. Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải phối hợp với chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên cùng lưu vực suối To Buông (nếu có) và các tổ chức, cơ quan, cá nhân có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp vận hành, thống nhất với Ban Chỉ huy phòng, thủ dân sự tỉnh Sơn La để vận hành đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy chế phối hợp vận hành giữa các đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 9 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2023 thì phải thực hiện theo quy chế phối hợp được phê duyệt.

2. Trong quá trình vận hành công trình thủy điện To Buông, Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải thường xuyên cung cấp, trao đổi và cập nhật thông tin với chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước khác trên lưu vực suối To Buông để có chế độ vận hành tối ưu và an toàn, phối hợp công tác cảnh báo khi xả nước hoặc sự cố vỡ đập đối với hạ du cụ thể như sau:

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà máy thủy điện To Buông với chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc vận hành trên cùng lưu vực.

- Đối với tình huống xả nước bất thường vào mùa lũ: Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải thông tin đến Ủy ban nhân dân các xã, bản phía hạ du qua hệ thống loa, còi cảnh báo lũ và điện thoại trực tiếp đến văn phòng Ủy ban nhân dân xã, trưởng bản phía hạ du để thông tin đến nhân dân qua hệ thống loa phóng thanh xã, bản. Đồng thời khi xả nước phải tuân thủ đúng quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy trình này. Mọi công tác xử lý tuân thủ theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt.

- Đối với sự cố nguy hiểm như vỡ đập, cán bộ vận hành đập có trách nhiệm ngay lập tức thông báo tới Tổ trưởng nhà máy, trưởng ca trực và phát tín hiệu khẩn cấp bằng loa, còi báo tới vùng hạ du. Mọi công tác xử lý tuân thủ theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đã được phê duyệt.

3. Công ty cổ phần thủy điện To Buông có trách nhiệm xây dựng quy chế phối hợp với chính quyền địa phương trong việc vận hành đảm bảo nước cho khu vực hạ du hồ chứa theo quy định Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt.

Điều 9. Cảnh báo trước, trong quá trình vận hành xả lũ và vận hành phát điện

1. Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải thống nhất với Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã Tú Nang trong việc lắp đặt hệ thống cảnh báo vận hành xả lũ và vận hành phát điện tại vùng hạ du gồm:

- a). Vị trí lắp đặt.
- b). Trang thiết bị cảnh báo lắp đặt tại từng vị trí.
- c). Những trường hợp phải cảnh báo.
- d). Thời điểm cảnh báo.
- đ). Hình thức cảnh báo.
- e). Quyền, trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cảnh báo.

2. Tín hiệu thông báo xả nước.

- a) 30 phút trước khi xả nước phát điện hoặc lũ bắt đầu tràn qua ngưỡng tràn tự do, kéo 3 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.
- b) Ngay trước khi xả nước qua các tổ máy phát điện, kéo 2 hồi còi, mỗi hồi còi dài 20 giây và cách nhau 10 giây.
- c) Khi kết thúc xả nước phát điện thì kéo 1 hồi còi dài 30 giây.
- d) Trường hợp phải xả cát theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy trình này: Kéo 05 hồi còi, mỗi hồi còi dài 30 giây và cách nhau 5 giây, sau khi kết thúc mới được phép xả.
- e) Ngoài các hiệu lệnh thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều này Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải thông báo qua hệ thống cảnh báo được lắp đặt phía hạ du công trình và hệ thống loa phát thanh di động khi xả nước phát điện và khi lũ lớn về.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc phát lệnh, truyền lệnh, thực hiện lệnh, phát tin, truyền tin, nhận tin cảnh báo xả lũ.

a) Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị, trao đổi có liên quan đến việc vận hành hồ chứa thủy điện To Buông đều phải thực hiện bằng văn bản, đồng thời bằng fax, thông tin trực tiếp qua điện thoại, chuyển bản tin bằng mạng vi tính, sau đó văn bản gốc được gửi để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý. Mọi ý kiến chỉ đạo liên quan đến vận hành xả bùn, cát phải tuân thủ Điều 6 Quy trình này.

b) Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, thông báo, trao đổi có liên quan đến việc vận hành hồ thủy điện To Buông qua điện thoại phải được ghi âm và thực hiện theo trình tự như sau:

- Người có thẩm quyền phát lệnh vận hành công trình.
- Người có thẩm quyền tiếp nhận lệnh nhắc lại lệnh đã nhận được.
- Người có thẩm quyền phát lệnh khẳng định lại lệnh đã ban hành

Điều 10. Quy định về dòng chảy tối thiểu

1. Việc vận hành, khai thác công trình thủy điện To Buông phải đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu ở khu vực hạ du hồ chứa theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023, với lưu lượng được duy trì sau đập tuân thủ theo Giấy phép khai thác nước mặt do Bộ Tài nguyên và môi trường cấp với lưu lượng duy

trì xả thường xuyên, liên tục về hạ lưu không nhỏ hơn $0,2 \text{ m}^3/\text{s}$ và khi có yêu cầu cấp nước gia tăng ở hạ du của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phải xả nước về hạ du theo yêu cầu.

2. Trong mọi trường hợp việc vận hành dòng chảy tối thiểu sau đập được duy trì thường xuyên liên tục và được thực hiện thông qua ống thép xả dòng chảy môi trường với lưu lượng không nhỏ hơn $0,2 \text{ m}^3/\text{s}$.

3. Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải lắp đặt thiết bị giám sát lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định tại Điều 89 Nghị định 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước cụ thể như sau: Giám sát tự động, trực tuyến và giám sát bằng camera đối với thông số lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu với chế độ giám sát không quá 15 phút 01 lần. Kết quả giám sát được truyền về hệ thống giám sát tài nguyên nước của Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La.

Chương II

VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 11. Quy định về mực nước trước lũ, đón lũ

Cao trình mực nước trước lũ của hồ chứa thủy điện To Buông trong thời kỳ mùa lũ không được vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 704,5 m. Vì vậy Điều 11 không quy định về mực nước trước lũ, đón lũ đối với hồ chứa thủy điện To Buông.

Điều 12. Nguyên tắc vận hành hồ chứa trong thời kỳ mùa lũ

Căn cứ dự báo của cơ quan dự báo khí tượng thủy văn có thẩm quyền, kết quả quan trắc khí tượng thủy văn của Công ty cổ phần thủy điện To Buông về số liệu mưa, mực nước tại thượng, hạ lưu, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả phương thức vận hành nhà máy như sau:

1. Nguyên tắc cơ bản: Duy trì mực nước hồ không vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường 704,5 m bằng chế độ xả nước qua các tổ máy phát điện và tự tràn qua tràn tự do khi mực nước hồ vượt qua cao trình mực nước dâng bình thường 704,5 m.

2. Lưu lượng lũ vào hồ phải được ưu tiên sử dụng để phát công suất tối đa có thể được của nhà máy thủy điện, phần còn lại tự tràn qua đập tràn tự do khi mực nước hồ vượt quá cao trình mực nước dâng bình thường ở cao trình 704,5 m.

3. Khi mực nước hồ thủy điện To Buông đã đạt mực nước lũ thiết kế ở cao trình 709,6 m mà dự báo lưu lượng lũ đến hồ tiếp tục lên, mực nước trong hồ có thể vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra ở cao trình 709,98 m. Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn công

trình đồng thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, Ủy ban nhân dân xã Tú Nang để kịp thời chỉ đạo và thông báo cho nhân dân vùng hạ du của công trình để có biện pháp chống lũ và triển khai phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho người, tài sản khu vực hạ du đập.

4. Trong mọi trường hợp vận hành bình thường (không có nguy cơ sự cố hoặc đe dọa sự cố công trình) lưu lượng xả qua công trình không được lớn hơn lưu lượng tự nhiên vào hồ.

5. Phải thực hiện việc vận hành hồ theo quyết định, chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La trong trường hợp khẩn cấp (nếu có).

Điều 13. Vận hành hồ chứa tham gia cắt/ giảm lũ cho hạ du, phát điện

Hồ chứa thủy điện To Buông là hồ điều tiết ngày đêm không có dung tích phòng lũ nên không có khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du. Do đó, lưu lượng lũ vào hồ thủy điện To Buông được ưu tiên sử dụng để phát công suất tối đa có thể được của nhà máy thủy điện, phần còn lại tự tràn qua đập tràn tự do khi mực nước hồ bằng hoặc lớn hơn cao trình mực nước dâng bình thường ở cao trình 704,5 m.

Điều 14. Vận hành hồ chứa đảm bảo an toàn công trình

Khi mực nước hồ thủy điện To Buông đạt đến cao trình mực nước dâng bình thường 704,5 m mà lưu lượng lũ đến hồ tiếp tục tăng, thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình và phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La theo các quy định sau:

1. Duy trì mực nước hồ ở cao trình mực nước dâng bình thường 704,5 m bằng chế độ xả nước qua các tổ máy phát điện và chế độ đóng, mở cửa van công xả cát.

2. Hiệu lệnh khi vận hành hồ chứa thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Quy trình này.

3. Trường hợp đập hoặc thiết bị của công trình bị hư hỏng hoặc sự cố đòi hỏi phải tháo nước nhằm đảm bảo an toàn công trình, trước khi tháo nước, Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải lập phương án, kế hoạch cụ thể đảm bảo không chế tốc độ hạ thấp mực nước sao cho không gây mất an toàn đập, các công trình ở tuyến đầu mối và hạ du.

4. Trách nhiệm phát hiện và xử lý sự cố hoặc những tình huống bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Quy trình này.

Điều 15. Tích nước cuối mùa lũ

Hồ thủy điện To Buông là hồ điều tiết ngày đêm, không thực hiện tích nước cuối mùa lũ, lưu lượng đến hồ duy trì ở cao trình mực nước dâng bình thường đảm bảo phát điện được công suất tối đa của nhà máy.

Chương III

VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA KIẾT

Điều 16. Nguyên tắc vận hành trong mùa kiệt

1. Nguyên tắc chung: Căn cứ vào dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Sơn La và quan trắc của Công ty cổ phần thủy điện To Buông về số liệu mưa, lưu lượng vào hồ và mực nước hồ chứa, phương thức vận hành hồ chứa thủy điện To Buông trong mùa kiệt được thực hiện theo nguyên tắc cơ bản với thứ tự ưu tiên sau:

a) Vận hành đảm bảo an toàn công trình, an toàn hạ lưu: Tuân thủ đầy đủ các quy định được áp dụng trong mùa lũ quy định tại Điều 12 và Điều 14 của Quy trình này.

b) Vận hành cấp nước cho hạ du: Đảm bảo nhu cầu cấp nước cho hạ du theo quy định tại Điều 10, Điều 20 và Điều 21 của Quy trình này. Trong mọi trường hợp phải đảm bảo giá trị dòng chảy tối thiểu sau đập và sau nhà máy theo quy định tại Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*).

c) Vận hành phát điện:

- Phải tuân thủ phương thức và lệnh điều độ của cấp điều độ có quyền điều khiển.

- Trong điều kiện vận hành bình thường căn cứ vào yêu cầu thực tế và lưu lượng nước vào hồ, chủ động điều tiết phát điện có hiệu quả trên cơ sở năng lực công trình, đặc tính thiết bị, nhu cầu của hệ thống điện.

- Trong mọi trường hợp, nếu có xả thừa phải ưu tiên phát điện với công suất tối đa có thể.

2. Các chế độ vận hành trong mùa kiệt

Hồ chứa thủy điện To Buông được thiết kế để phát điện theo chế độ điều tiết ngày đêm. Do vậy, vận hành công trình trong mùa kiệt bao gồm các chế độ sau:

a) Chế độ vận hành phát điện, xả nước trong mùa kiệt thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Quy trình này.

b) Chế độ vận hành điều tiết lũ và các tình huống bất thường trong mùa kiệt thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Quy trình này.

3. Thẩm quyền quyết định ban hành và thực hiện lệnh vận hành công trình To Buông trong mùa kiệt như sau:

Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông quyết định vận hành và thực hiện xử lý các sự cố khẩn cấp liên quan đến an toàn công trình, hạ du theo quy định tại Điều 19 của Quy trình này.

Bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa kiệt.

Điều 17. Vận hành phát điện, xả nước trong mùa kiệt.

1. Điều kiện thực hiện: Điều kiện bình thường, không có lũ và không có các tình huống bất thường quy định tại Điều 19 của Quy trình này.

2. Nguyên tắc vận hành:

a) Đảm bảo cấp nước cho hạ du theo quy định tại Điều 10, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 của Quy trình này.

b) Vận hành phát điện phải tuân thủ phương thức và lệnh điều độ của cấp điều độ hệ thống điện có quyền điều khiển.

c) Khi mực nước trong hồ chứa đang ở cao trình mực nước dâng bình thường 704,5 m mà lưu lượng về hồ lớn hơn hoặc bằng lưu lượng thiết kế của nhà máy, ưu tiên phát điện với công suất lớn nhất có thể của nhà máy thủy điện, lưu lượng còn lại sau khi phát điện tràn qua tràn tự do.

d) Trong các trường hợp khác ngoài quy định tại điểm c khoản này thì tùy theo nhu cầu thực tế, khả năng điều tiết nước của hồ chứa và đặc tính thiết bị cơ khí thủy lực để vận hành điều tiết phát điện tối ưu hiệu quả và đảm bảo an toàn cấp nước hạ du nhưng phải đảm bảo mực nước hồ trong giới hạn mực nước dâng bình thường đến mực nước chết và các quy định tại điểm a, b khoản này.

Điều 18. Vận hành bảo đảm mực nước trong mùa kiệt.

Khi mực nước hồ nằm trong khoảng từ cao trình mực nước chết 368 m đến dưới cao trình mực nước dâng bình thường 704,5 m:

1. Trong trường hợp lưu lượng về hồ lớn hơn lưu lượng phát điện thiết kế nhà máy, theo nhu cầu của hệ thống điện và lưu lượng thực tế về hồ vận hành phát điện để tận dụng tối đa lưu lượng nước đến hồ, giảm xả thừa.

2. Trong trường hợp lưu lượng về hồ lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin và nhỏ hơn hoặc bằng lưu lượng phát điện thiết kế của nhà máy, theo nhu cầu thực tế, phát điện với lưu lượng bằng hoặc lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép của một tua bin.

3. Khi mực nước hồ lớn hơn hoặc bằng cao trình mực nước chết mà lưu lượng về hồ nhỏ hơn hoặc bằng lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin, theo nhu cầu thực tế, phát điện với lưu lượng bằng hoặc lớn hơn lưu lượng tối thiểu cho phép vận hành của một tua bin.

4. Khi mực nước hồ đang ở cao trình mực nước chết mà lưu lượng về hồ nhỏ hơn lưu lượng tối thiểu cho phép của một tua bin, nhà máy dừng phát điện.

Điều 19. Vận hành điều tiết lũ trong mùa kiệt.

1. Mùa lũ đã được quy định tại điều 5 Quy trình này. Trong trường hợp lũ bất thường là lũ xuất hiện trước hoặc sau mùa lũ quy định tại điều 5 quy trình này

hoặc lũ được hình thành do mưa lớn xảy ra trong phạm vi nhỏ, hồ chứa xả nước, do vỡ đập, tràn đập.

2. Trong trường hợp xảy ra những tình huống bất thường này vào mùa kiệt, Công ty cổ phần thủy điện To Buông có biện pháp đối phó phù hợp, kịp thời; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu và thông báo cho nhân dân ở phía hạ lưu công trình thủy điện To Buông để kịp thời phối hợp, có ứng phó cần thiết.

Chương IV

CÁC TRƯỜNG HỢP VẬN HÀNH KHÁC

Điều 20. Vận hành hồ chứa khi khu vực hạ du có yêu cầu bất thường về nước

Khi khu vực hạ du của hồ chứa thủy điện To Buông có nhu cầu lượng nước xả khác với quy định tại Quy trình này thì cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng nước phải xin ý kiến bằng văn bản tới Công ty cổ phần thủy điện To Buông. Trong trường hợp giữa đơn vị có nhu cầu sử dụng nước và Công ty cổ phần thủy điện To Buông không thống nhất được phương án thì đơn vị có nhu cầu sử dụng nước gửi văn bản xin ý kiến đến Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Sau khi thống nhất về lưu lượng và kế hoạch thời gian xả nước với các cơ quan, đơn vị nêu trên, Công ty cổ phần thủy điện To Buông thông báo ngay cho Cấp điều độ có quyền điều khiển để phối hợp, bố trí kế hoạch huy động nhà máy thủy điện To Buông phát điện đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nước, đồng thời tổ chức thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu để theo dõi, chỉ đạo.

Điều 21. Vận hành hồ chứa khi xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường

Trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng hoặc khi xảy ra các sự cố tai biến môi trường nghiêm trọng khác trên lưu vực suối, Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải tuân thủ theo lệnh điều hành vận hành hồ chứa của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023 ngày 27/11/2023 và Luật thủy lợi năm 2017 ngày 19/6/2017.

Điều 22. Vận hành hồ chứa thủy điện cấp nước cho thủy lợi

1. Khi hạ du công trình thủy điện To Buông có nhu cầu xả phục vụ cấp nước cho thủy lợi khác với quy định tại quy trình này thì cơ quan, tổ chức có nhu cầu phải báo cáo xin ý kiến bằng văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La xem xét, quyết định.

2. Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông có trách nhiệm tổ chức

thực hiện điều tiết xả nước theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu biết, theo dõi. Trước khi xả nước theo chỉ đạo Công ty cổ phần thủy điện To Buông thông báo cho Điều độ điện lực để phối hợp, bố trí kế hoạch huy động phát điện nhà máy thủy điện To Buông đảm bảo tối ưu hiệu quả sử dụng nước.

3. Công ty cổ phần thủy điện To Buông có trách nhiệm đảm bảo dòng chảy môi trường duy trì liên tục sau đập theo quy định tại Điều 10 Quy trình này và tuân thủ theo nội dung Giấy phép khai thác nước mặt do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Đồng thời phải phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, công ty vận hành công trình thủy lợi và các tổ chức khai thác, sử dụng nước ở hạ du công trình thủy điện To Buông để điều chỉnh chế độ vận hành phát điện, lưu lượng xả nước qua đập hoặc qua các hạng mục công trình khác cho phù hợp.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 23. Nguyên tắc chung về trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình

1. Lệnh vận hành hồ chứa thủy điện To Buông nếu trái với các quy định trong quy trình này, dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông có trách nhiệm xử lý sự cố, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu và thông báo cho nhân dân ở thượng, hạ lưu công trình để kịp thời phối hợp, xử lý.

4. Tháng 4 hàng năm là thời kỳ tổng kiểm tra trước mùa lũ. Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình, và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định, đồng thời báo cáo kết quả tới Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu để theo dõi, chỉ đạo.

5. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước ngày 15 tháng 5, Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải có biện pháp xử lý phù hợp kịp thời và phải báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Sở Công Thương để theo dõi, chỉ đạo và thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu và nhân dân ở thượng, hạ lưu công trình, để kịp thời phối hợp, xử lý.

Điều 24. Trách nhiệm của giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông

1. Ban hành lệnh và thực hiện lệnh vận hành hồ chứa theo quy định trong Quy trình này và các quy định pháp luật liên quan.

2. Trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành công trình thủy điện To Buông được quy định như sau:

a) Thực hiện lệnh vận hành công trình thủy điện To Buông của Trưởng Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La theo quy định của Quy trình này.

b) Trường hợp xảy ra tình huống bất thường, không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành.

c) Trường hợp mất thông tin liên lạc hoặc không nhận được lệnh vận hành của người có thẩm quyền ra lệnh và các tình huống bất thường khác, được phép quyết định việc vận hành hồ theo đúng quy định của Quy trình này, đồng thời phải thực hiện ngay các biện pháp ứng phó phù hợp.

d) Thực hiện việc vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 14 của Quy trình này.

e) Khuyến khích Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để vận hành hồ chứa theo thời gian thực, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên nước, bảo đảm an toàn và cấp nước cho hạ du.

3. Trường hợp xảy ra những tình huống bất thường hoặc có sự cố mà không thể vận hành hồ theo đúng quy định của Quy trình này, phải triển khai ngay các biện pháp ứng phó phù hợp, kịp thời; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, các chủ đập trên cùng bậc thang Suối To Buông có liên quan và thông báo trên hệ thống cảnh báo được lắp đặt phía hạ du hồ chứa quy định tại khoản 16 Điều này để người dân biết, kịp thời phối hợp, có ứng xử cần thiết.

4. Sau mùa lũ hằng năm, phải lập báo cáo tổng kết gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Sở Công Thương tỉnh Sơn La, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu về việc thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện To Buông, đánh giá kết quả khai thác, tính hợp lý, những tồn tại và nêu những kiến nghị cần thiết.

5. Trước mùa mưa lũ hằng năm có trách nhiệm báo cáo kết quả đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 62/2025/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Công Thương

6. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Công ty có trách nhiệm báo cáo hiện trạng an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định 62/2025/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Công Thương. Thời hạn chốt số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 15 tháng 12 hằng năm;

7. Giám sát quá trình khai thác sử dụng nước tại hồ chứa và khu vực hạ lưu công trình thủy điện To Buông chịu ảnh hưởng của việc vận hành hồ chứa.

8. Tổ chức ghi chép vào nhật ký vận hành các hoạt động liên quan đến vận hành công trình thủy điện To Buông.

9. Định kỳ 5 năm phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa hoặc khi quy trình vận hành hồ chứa không còn phù hợp, chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình Sở Công Thương thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt

10. Định kỳ 5 năm tổ chức kiểm định an toàn đập, báo cáo kết quả về Sở Công thương tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 6 Điều 41 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực.

10. Hàng năm, lập, rà soát, điều chỉnh, bổ sung và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai theo quy định tại Điều 22 của Luật Phòng chống thiên tai. Định kỳ 05 năm hoặc khi có sự thay đổi về quy mô, hạng mục công trình thủy điện, Công ty có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

11. Đầu tư, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp, quản lý và vận hành hệ thống giám sát vận hành, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập và vùng hạ du đập (*loa, còi cảnh báo*); Xây dựng, lắp đặt hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ chứa thủy điện To Buông theo quy định.

12. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện, Ủy ban nhân dân các xã vùng hạ du: Khảo sát, lập phương án và thực hiện lắp đặt hệ thống cảnh báo điều tiết lũ và phát điện phía hạ du công trình thủy điện To Buông để thông báo đến người dân trong quá trình vận hành; phương thức, hình thức cảnh báo qua hệ thống cảnh báo phải được quy định cụ thể trong Quy chế phối hợp.

13. Phối hợp với các chủ công trình thủy điện, thủy lợi có liên quan trên lưu vực Suối To Buông để xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

14. Chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho công trình, cụ thể:

a) Tổ chức quan trắc, thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo, cung cấp số liệu, thông tin, báo cáo cho các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định tại Điều 7 của Quy trình này.

b) Tổ chức kiểm tra thường xuyên về tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở vùng hồ và có các biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để bảo đảm tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị.

c) Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết.

15. Sau mỗi trận lũ và sau cả mùa lũ, phải tiến hành ngay các công tác sau:

a) Kiểm tra tình trạng ổn định, an toàn công trình, thiết bị bao gồm cả ảnh hưởng xói lở ở hạ lưu đập tràn.

b) Sửa chữa những hư hỏng nguy hiểm đe dọa đến sự ổn định, an toàn công trình và thiết bị (nếu có).

c) Khi hạ du hồ chứa thủy điện To Buông xảy ra thiệt hại do ngập lụt gây ra, phối hợp với các cơ quan chức năng ở địa phương của tỉnh Sơn La kiểm tra, đánh giá thiệt hại, xác định nguyên nhân gây thiệt hại và có các biện pháp khắc phục trong trường hợp thuộc trách nhiệm của Công ty cổ phần thủy điện To Buông.

d) Báo cáo Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La, Sở Công thương kết quả thực hiện những công tác trên.

Điều 25. Trách nhiệm của Trưởng Ban chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Sơn La

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống mưa lũ và xử lý các tình huống cấp bách ảnh hưởng đến an toàn thượng lưu, hạ du công trình vượt quá khả năng xử lý của địa phương và đơn vị quản lý công trình khi có yêu cầu.

2. Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ trên địa bàn tỉnh Sơn La nói chung và khu vực thủy điện To Buông nói riêng khi có lũ để kịp thời chỉ đạo phòng, chống lũ lụt và xử lý các tình huống bất thường có ảnh hưởng đến an toàn hạ du.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, các địa phương, tổ chức liên quan phối hợp với Công ty cổ phần thủy điện To Buông trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành công trình thủy điện To Buông.

4. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

Điều 26. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công thương

1. Kiểm tra, giám sát Công ty cổ phần thủy điện To Buông thực hiện các quy định trong Quy trình này.

2. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La khi phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

3. Thẩm định Quy trình vận hành hồ chứa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt khi Quy trình không còn phù hợp hoặc theo định kỳ 5 năm.

Điều 27. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

1. Chỉ đạo các cơ quan liên quan trong địa bàn tỉnh phối hợp với Công ty cổ phần thủy điện To Buông thực hiện đúng các quy định trong Quy trình này.

2. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước thuộc phạm vi quản lý; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu và Ủy ban nhân dân cấp xã (khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp).

1. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn giám sát việc chấp hành quy trình vận hành hồ chứa này của Công ty cổ phần thủy điện To Buông .

2. Phối hợp chỉ đạo xử lý các sự cố khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước của thủy điện To Buông đảm bảo an toàn cho nhân dân vùng thượng, hạ lưu nhà máy.

3. Tổ chức thường trực, theo dõi tình hình diễn biến mưa lũ và việc vận hành công trình thủy điện To Buông để có biện pháp chỉ đạo phòng chống lũ lụt và xử lý các tình huống bất thường có ảnh hưởng đến an toàn hạ du. Kịp thời thông tin tới Công ty cổ phần thủy điện To Buông về diễn biến thời tiết bất thường, thiên tai, lũ lụt.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ chứa; chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du khi hồ xả nước.

5. Phối hợp với Công ty cổ phần thủy điện To Buông xác định vị trí để lắp đặt hệ thống cảnh báo điều tiết lũ và phát điện phía hạ du phục vụ vận hành công trình thủy điện To Buông.

6. Báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý vi phạm trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong Quy trình này.

Điều 29. Chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện To Buông

1. Trong trường hợp chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện To Buông từ Công ty cổ phần thủy điện To Buông sang một đơn vị khác, các quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Công ty và Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện To Buông trong Quy trình này sẽ được quy định cho đơn vị và thủ trưởng đơn vị được chuyển giao.

2. Tất cả các văn bản, hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao trách nhiệm sử dụng, khai thác, vận hành công trình thủy điện To Buông đều phải giao nộp 01 bộ cho Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu để thống nhất theo dõi, chỉ đạo.

3. Chậm nhất không quá 02 (hai) tháng kể từ ngày đơn vị mới nhận chuyển giao khai thác, vận hành công trình thủy điện To Buông từ Công ty cổ phần thủy điện To Buông phải tiến hành sửa đổi, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện To Buông sang đối tượng là đơn vị, công ty mới tiếp nhận khai thác, vận hành.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện To Buông

1. Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện To Buông, nếu có nội dung chưa hợp lý cần sửa đổi, bổ sung, Công ty cổ phần thủy điện To Buông, thủ trưởng các đơn vị có liên quan phải kiến nghị kịp thời bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La để xem xét, quyết định.

2. Định kỳ 05 năm hoặc khi quy trình vận hành hồ chứa không còn phù hợp, Công ty cổ phần thủy điện To Buông có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa, trình Sở Công thương thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt theo quy định./.

Chương VI CÁC PHỤ LỤC

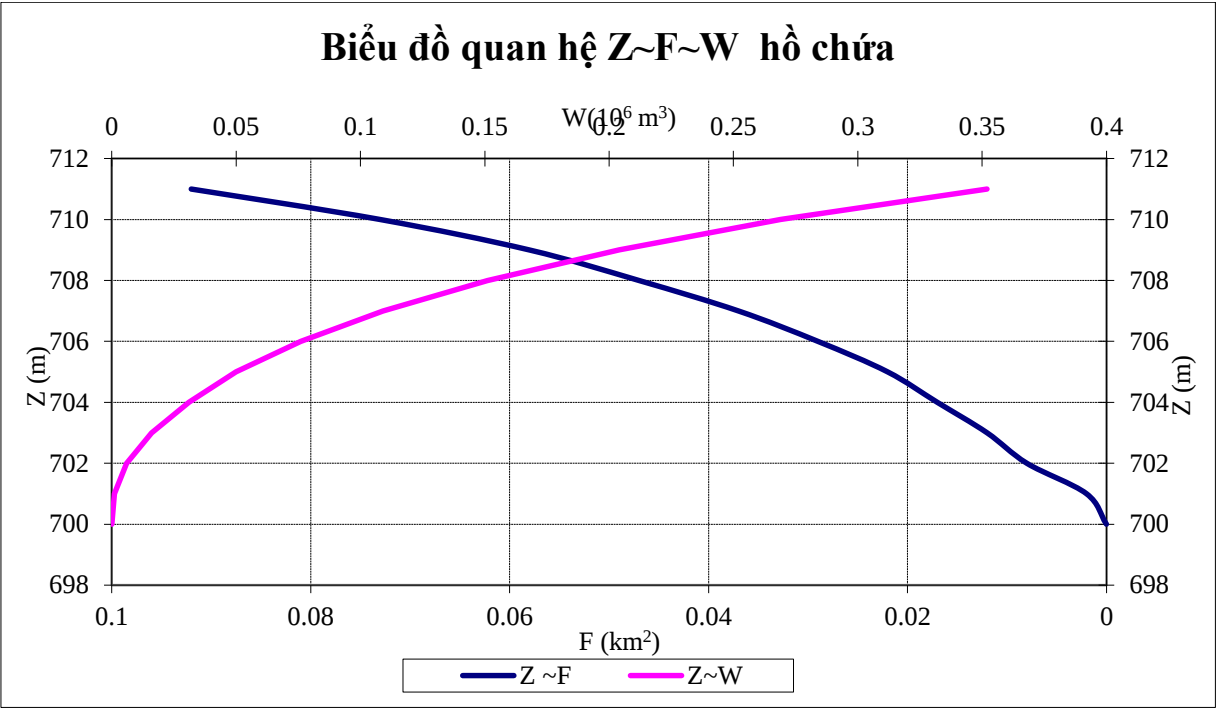
Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật chính của công trình

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Thông số thủy văn		
1	Diện tích lưu vực	Km ²	112
2	Chiều dài sông chính	km	12,5
3	Lưu lượng trung bình nhiều năm Q _o	m ³ /s	2,16
4	Tổng lượng dòng chảy năm	10 ⁶ m ³	68,70
II	Hồ chứa		
1	Mực nước dâng bình thường MNDBT	m	704,50
2	Mực nước chết	m	702,50
3	Mực nước lũ thiết kế P=1%	m	709,06
4	Mực nước lũ kiểm tra P=0,2%	m	709,98
5	Diện tích mặt hồ ở MNDBT	ha	1,96
6	Dung tích toàn bộ	10 ³ m ³	41
7	Dung tích hữu ích	10 ³ m ³	11
8	Dung tích chết	10 ³ m ³	3
III	Lưu lượng và cột nước		
1	Lưu lượng đảm bảo (Q _{85%})	m ³ /s	0,55
2	Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy (Q _{max})	m ³ /s	2,76
3	Lưu lượng đỉnh lũ ứng với tần suất 1%	m ³ /s	833,90
4	Lưu lượng đỉnh lũ ứng với tần suất 0,2%	m ³ /s	1097,10
5	Cột nước lớn nhất H _{max}	m	349,66
6	Cột nước lớn nhất H _{tt}	m	342,06
7	Cột nước lớn nhất H _{min}	m	342,06
IV	Các chỉ tiêu năng lượng		
	Công suất lắp máy N _{lm}	MW	8,0
	Công suất đảm bảo N _{đb}	MW	1,59
V	Các hạng mục công trình chính		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Đập dâng bờ trái		
	Kết cấu đập dâng		BTTL
	Cao trình đỉnh đập	m	710,00
	Chiều dài đập theo đỉnh (bờ trái và bờ phải)	m	49,00
	Chiều cao lớn nhất mặt cắt đập	m	11,50
2	Đập tràn		
	Kết cấu đập		BTTL
	Loại đập tràn		Tự do
	Chiều rộng tràn (kể cả trụ biên: 2x1.5m)	m	48,0
	Cao trình ngưỡng tràn	m	704,50
	Kiểu ngưỡng tràn	Ofixerop không chân không	
	Chiều cao lớn nhất mặt cắt đập tràn	m	7,0
	Lưu lượng xả kiểm tra (1%)	m ³ /s	833,90
	Cột nước tràn ứng với lũ kiểm tra (1%)	m	4,56
	Lưu lượng xả kiểm tra (0,2%)	m ³ /s	1097,10
	Cột nước tràn ứng với lũ kiểm tra (0,2%)	m	5,48
	Cao trình sân gia cố	m	700,50
	Chiều rộng sân gia cố	m	52,00
	Chiều dài sân gia cố	m	12,00
4	<i>Cống xả cát – Trong thân đập dâng bờ phải</i>		
	Cao trình ngưỡng vào	m	700,50
	Bề rộng cống b	m	3,0
	Chiều dài cống	m	13,0
4	<i>Cửa lấy nước đầu kênh – Trong thân đập bờ phải</i>		
	Cao trình ngưỡng vào	m	701,50
	Kích thước cửa vào (bxh)	m	2,0x1,5
	Kích thước thông thủy (bxh)	m	2,0x1,5
	Chiều dài cống	m	15,0
	Lưu lượng thiết kế Q _{tk}	m ³ /s	2,76
5	<i>Kênh dẫn nước</i>		
	Chiều dài kênh	m	1568,38
	Kích thước kênh bxh	m	1,5x1,5
	Độ dốc đáy kênh	%	0,15
	Kết cấu mặt kênh		BTCT M200
6	<i>Tràn xả thừa đầu kênh</i>		
	Chiều rộng tràn nước	m	14,0
	Cao trình ngưỡng tràn	m	702,80
	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	1,73
7	<i>Hầm không áp</i>		

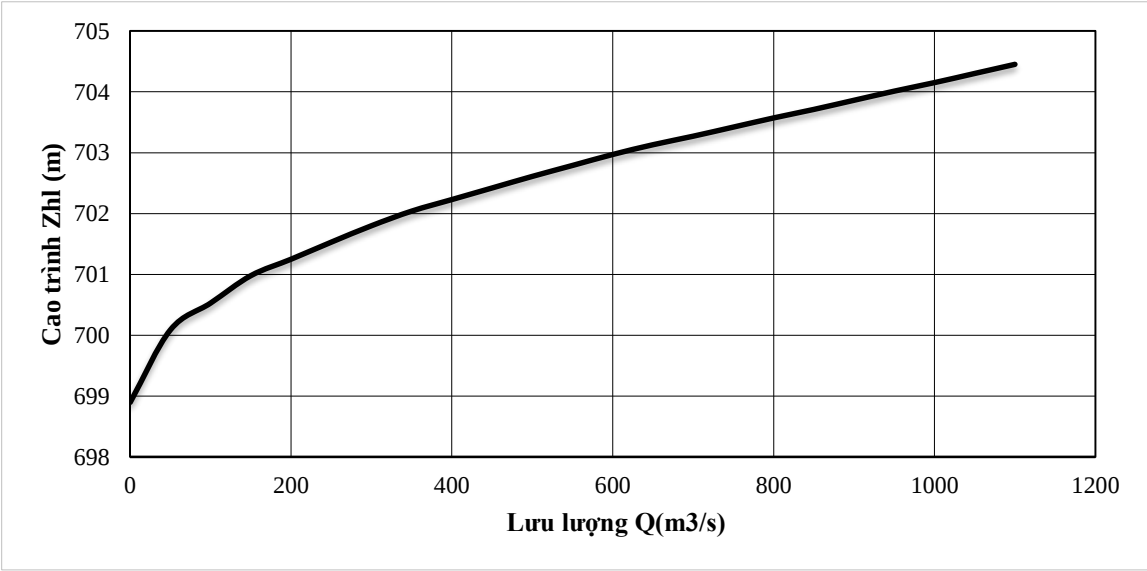
TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
	Chiều dài hầm	m	961
	Kích thước thông thủy (b x h)	m	1,5 x 1,5
	Độ dốc đáy hầm	%	0,2
	Kết cấu mặt cắt hầm		BTCT M200
8	<i>Tràn xả thừa cuối kênh</i>		
	Chiều rộng tràn nước	m	11,0
	Cao trình ngưỡng tràn	m	698,25
	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	2,76
9	<i>Bể áp lực</i>		
	Mức nước dâng bình thường	m	698,18
	Chiều dài bể	m	37,50
	Chiều rộng mặt cắt bể	m	3,20
	Chiều cao mặt cắt bể	m	4,50
	Cao trình đáy bể	m	694,60
	Cao trình đỉnh tường bên	m	699,10
10	<i>Cửa lấy nước từ bể áp lực</i>		
	Cao trình ngưỡng vào	m	695,10
	Kích thước cửa vào (b x h)	m	1,6 x 2,0
	Kích thước thông thủy (b x h)	m	1,0 x 1,0
	Chiều dài	m	4,1
	Lưu lượng thiết kế	m ³ /s	2,76
11	<i>Đường ống áp lực</i>		
	Chiều dài	m	659,86
	Đường kính	m	1,0
	Chiều dày vỏ thép	mm	10-:-18
12	<i>Nhà máy thủy điện</i>		
	Loại nhà máy		Kiểu hở
	Loại turbine	Pelton turbine – Trục ngang	
	Số tổ máy	Tổ	2
	Kích thước nhà máy B x L	m	17 x 35,6
	Lưu lượng lớn nhất qua nhà máy (Q _{max})	m ³ /s	2,76
	Cao trình sàn lắp máy	m	348
	Cao trình sàn lắp ráp	m	347,20
	Mức nước hạ lưu lớn nhất (lũ 0,2%)	m	345,59
VI	<i>Đường dây truyền tải 110kV</i>	Km	2,5

Phụ lục 2: Số liệu và biểu đồ quan hệ hồ chứa Z~F~V



(m)	700	701	702	703	704	705	706	707	708	709	710
(km ²)	0	0.002	0.008	0.012	0.017	0.022	0.029	0.037	0.047	0.058	0.073
(10 ⁶ m ³)	0	0.001	0.006	0.016	0.031	0.05	0.076	0.109	0.151	0.204	0.269

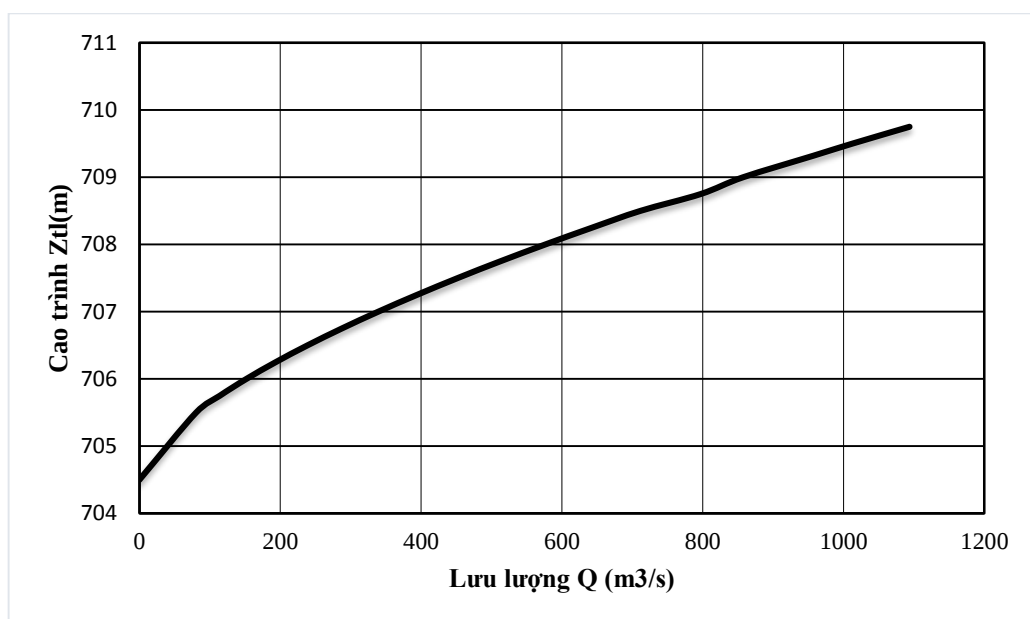
Phụ lục 3: Số liệu và biểu đồ quan hệ lưu lượng – mực nước hạ lưu đập



Q(m ³ /s)	0	50	100	150	200	250	300	350
Z _{hl} (m)	698.9	700.1	700.53	700.98	701.25	701.53	701.8	702.04
Q(m ³ /s)	400	450	500	550	600	650	700	750
Z _{hl} (m)	702.23	702.4	702.61	702.79	702.97	703.13	703.27	703.42
Q(m ³ /s)	800	850	900	950	1000	1050	1100	
Z _{hl} (m)	703.57	703.7	703.86	704.01	704.15	704.3	704.45	

Phụ lục 4: Số liệu và biểu đồ đường quan hệ $Q_{\text{tr}} \sim Z_{\text{tl}}$

Z (m)	704.5	705.5	705.8	706.0	706.2 5	706.5 0	706.7 5	707.00	707.2 5	707.5 0
Q(m³/s)	0	80.59	114.1 7	151.9 4	193.6 5	238.8 3	287.5 2	339.27	394.2 3	452.0 4
Z (m)	707.7 5	708.0 0	708.2 5	708.5 0	708.7 5	709.0 0	709.3 2	709.5	709.7 5	
Q(m³/s)	512.8 7	576.7	643.0 2	711.9 3	797.4	857.7 2	957.5	1012.9 4	1094	

**Phụ lục 5: Biểu đồ tần suất lũ công trình thủy điện To Bùng**